

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
TP.CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2021/HS-ST**
Ngày 16-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm

Ông Võ Văn Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Sáu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Châu Văn Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh S - sinh năm 1971, tại Cần Thơ

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã T, huyện D, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện D, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1938 (chết) và bà Trương Thị Bạch T1, sinh năm 1939 (chết); Anh, chị em ruột: có 03 người lớn nhất sinh năm 1969, nhỏ nhất sinh năm 1980; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1970 và sống chung như vợ chồng với Trương Thị Bé T2, sinh năm 1986; có 05 người con lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền sự: không; Tiền án: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ

ngày 18 tháng 3 năm 2021.

2. Trương Thị Bé T2 - sinh năm 1986, tại Cần Thơ

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã T, huyện D, thành phố Cần Thơ ; Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện D, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đặng Văn C, sinh năm 1964 và bà Trương Thị Cẩm H, sinh năm 1968; Có chồng là Cao Minh D – 1982 (chết) và sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thanh S - 1971; Tiền sự: Không; Tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18 tháng 3 năm 2021.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lê Võ Việt T3 – 1990

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện D, thành phố Cần Thơ

(Các bị cáo có mặt, anh T3 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/3/2021 Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an D kết hợp cùng Công an xã M phát hiện bắt quả tang đối tượng Nguyễn Thanh S - sinh năm 1971, điều khiển xe mô tô biển số 65L1-240.46 chở theo sau là Trương Thị Bé T2 - sinh năm 1986 có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, nên lực lượng Công an yêu cầu S dừng xe để kiểm tra, qua đó phát hiện 01 gói nilon màu đen hàn kín bên trong có miếng giấy bạc chứa chất bột (dạng cục) màu trắng và 02 gói nilon không màu được nẹp miệng 1 đầu bên trong chứa các tinh thể không màu, nghi vấn là ma túy gần vị trí của S và T2, nên lực lượng làm nhiệm vụ lập biên bản niêm phong thu giữ, đồng thời thi hành lệnh khám xét người, phương tiện và nơi ở của cả 02 đối tượng, sau đó mời các đối tượng về cơ quan làm việc.

Tại Kết luận giám định số: 108/KL-PC09 ngày 25/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: Chất bột dạng cục màu trắng trong gói giấy bạc (kí hiệu M1) gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,1493 gram, loại Heroin.

Tinh thể không màu trong 02 gói nilon nẹp miệng (kí hiệu M2) gói giám định là ma túy, tổng khối lượng 1,1147 gram, loại Methamphetamine.

Trong quá trình điều tra đối tượng và T2 đều khai nhận: Cả 2 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2016 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, vào ngày 18/3/2021 cả hai nảy sinh ý định đi mua ma túy về sử dụng, khi đó S điều khiển xe mô tô BS 65L1-240.46 chở T từ nhà thuộc ấp L, xã T đến khu vực gần cây xăng số 7, thuộc ấp Q, xã M gặp người thanh niên tên Cu (không rõ họ tên, địa chỉ) để mua ma túy về sử dụng. Khi đến nơi T2 đưa cho Cu 250.000 đồng để mua ma túy, trong đó 01 gói ma túy trắng (heroin) giá 100.000 đồng; 2 gói ma túy đá (Methamphetamine) giá 150.000 đồng. Sau khi mua được ma túy thì T2 đưa cho S cất giữ; Sơn cất giấu 01 gói heroin bằng cách ngậm trong miệng, còn 2 gói ma túy đá thì kẹp dưới bàn chân phải. Sau đó S điều khiển xe mô tô chở T2 về, trên đường về bị lực lượng công an yêu cầu kiểm tra, nên S nhả miệng ra cho 01 gói heroin rớt xuống mặt đường gần nơi S đứng và vẩy bàn chân cho 2 gói ma túy đá rớt xuống mặt đường để phi tang, nhưng bị lực lượng công an phát hiện thu giữ.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra cả S và T3 đều khai nhận đã cùng nhau mua ma túy của người thanh niên tên Cu, ở ấp Q, xã M được 01 lần vào ngày 18/3/2021 với giá tiền 250.000 đồng, nhưng chưa sử dụng thì bị bắt. Số tiền mua ma túy là tiền chung của S và T2, không có ai khác hùn hạp. Số ma túy mua được là để sử dụng chung với nhau.

Tại Bản cáo trạng số 14/CT-VKSVT-HS ngày 17/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trương Thị Bé T2 về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trương Thị Bé T2 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và đề nghị:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trương Thị Bé T2 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đề nghị:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S mức án từ 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) năm tù.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Bé T2 mức án từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) gói mẫu còn lại sau giám định được niêm phong số 108/KL – PC09, ngày 25/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ; 03 đoạn ống thủy tinh (nỏ thủy tinh) để sử dụng ma túy; 02 ống bơm, kim tiêm chưa qua sử dụng; 50 bọc nilon kích thước 2x3cm được nẹp miệng một đầu; 30 bọc nilon kích thước 6x19cm được nẹp miệng một đầu; 10 bọc nilon kích thước 4x7cm được nẹp miệng một đầu.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh S 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung hiệu SM-G531H màu vàng đồng và sim thuê bao mạng Vietnammobile số 0562547904, số seri trên sim 0984.0509.1810.3421.2891, đã qua sử dụng và 3.500.000 đồng tiền Việt Nam.

Trả lại cho bị cáo Trương Thị Bé T2 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng bạc và sim mạng Viettel số 0345471824, không có số seri sim và 01 điện thoại di động hiệu SM-J250F/DS màu xám bạc và sim mạng Vietnamobile số 0921199103, không có số seri sim, đã qua sử dụng và 1.300.000 đồng tiền Việt Nam.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (Một) xe mô tô BS 65L1-240.46, số khung RPHWCHBUM5H076607 máy không xác định, đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa, các bị cáo S và T2 thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã mô tả, các bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo ân hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để được sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trương Thị Bé T2 đều khai nhận tội và thành khẩn khai nhận: Vào ngày 18/3/2021 cả hai nảy sinh ý định đi mua ma túy về sử dụng, khi đó S điều khiển xe mô tô BS 65L1-240.46 chở Thu từ nhà thuộc ấp L, xã T đến khu vực gần cây xăng số 7, thuộc ấp Q, xã M gặp người thanh niên tên Cu (không rõ họ tên, địa chỉ) để mua ma túy về sử dụng với giá 250.000 đồng để mua ma túy, trong đó 01 gói ma túy trắng (heroin) giá 100.000 đồng; 2 gói ma túy đá (Methamphetamine) giá 150.000 đồng. Sau khi mua được ma túy thì T2 đưa cho S cất giữ; Sơn cất giấu 01 gói heroin bằng cách ngậm trong miệng, còn 2 gói ma túy đá thì kẹp dưới bàn chân phải. Sau đó S điều khiển xe mô tô chở T2 về, trên đường về bị lực lượng công an yêu cầu kiểm tra, bị phát hiện và thu giữ. Lời khai của các bị cáo phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận, hành vi mua ma túy và vận chuyển ma túy với khối lượng 0,1493 gram, loại Heroin và khối lượng 1,1147 gram, loại Methamphetamine từ ấp L, xã T về khu vực ấp Q, xã M, huyện D, thành phố Cần Thơ với mục đích để sử dụng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015. Điểm i khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào vận chuyển trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 02 năm đến 07 năm: (...)

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng và thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này...”

Do đó, Cáo trạng số 14/CT-VKSVT-HS ngày 17/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, độc hại, người sử dụng ma túy bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, là nguyên nhân của các tội phạm khác. Do đó, Nhà nước nghiêm cấm tất cả các hành vi sản xuất, vận chuyển, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân chấp hành nghiêm pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội, cần thiết phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo S và T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về căn cứ quyết định hình phạt: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để phân hóa hình phạt đối với các bị cáo. Cụ thể như sau: Các bị cáo sống chung như vợ chồng cùng nảy sinh ý định, cùng là người thực hành hành vi, bị cáo S trực tiếp điều khiển xe mô tô chở bị cáo T2 đi mua ma túy và cùng bỏ tiền ra để mua ma túy nên mức độ tham gia và vai trò của S và T2 là ngang nhau, tuy nhiên, xét thấy về nhân thân thì bị cáo S là người có nhân thân xấu. Do đó, cần xử phạt bị cáo S mức án cao hơn bị cáo T2 mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Trước và sau thời điểm phạm tội, các bị cáo S và T2 không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) gói mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong số 108/KL – PC09, ngày 25/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ, là vật cấm lưu hành, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng bạc và sim mạng Viettel số 0345471824, không có số seri sim và 01 điện thoại di động hiệu SM-J250F/DS màu xám bạc và sim mạng Vietnamobile số 0921199103, không có số seri sim, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo T2 sử dụng để liên lạc cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Trương Thị Bé T2.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung hiệu SM-G531H màu vàng đồng và sim thuê bao mạng Vietnammobile số 0562547904, số seri trên sim 0984.0509.1810.3421.2891, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thanh S sử dụng để liên lạc cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh S.

- 03 đoạn ống thủy tinh (nỏ thủy tinh) để sử dụng ma túy; 02 ống bơm, kim tiêm chưa qua sử dụng; 50 bọc nilon kích thước 2x3cm được nẹp miệng một đầu; 30 bọc nilon kích thước 6x19cm được nẹp miệng một đầu; 10 bọc nilon kích thước 4x7cm được nẹp miệng một đầu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được là của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- 01 (Một) xe mô tô BS 65L1-240.46, số khung RPHWCHBUM5H076607 máy không xác định, đã qua sử dụng, bị cáo khai mua lại của người đàn ông tên C (không rõ họ tên, địa chỉ) nhưng không làm hợp đồng mua bán. Qua xác minh phương tiện

giao thông cơ giới đường bộ của Đội cảnh sát giao thông huyện Vĩnh Thạnh, xác định được chủ xe là anh Lê Võ Việt T3. Quá trình điều tra anh T3 xác định xe trên không phải của anh, lý do anh đứng tên chủ xe là do trước đây anh đăng ký biển số xe số 65L1- 240.46 nhưng quá trình lưu thông trên đường đã làm rơi mất biển số và anh T3 đã làm lại biển số mới. Quá trình điều tra không xác định được chủ sở hữu của chiếc xe nói trên. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu đã hết thời hạn nhưng cũng không có người nhận. Xét thấy, xe hiện nay là do bị cáo đang quản lý và sử dụng nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định xe mô tô biển số 65L1-240.46 là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Tiền Việt Nam 4.800.000 đồng, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được là số tiền chung của bị cáo S và T2, không liên quan đến việc phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo S và T2.

[9] Các vấn đề khác: Đối với người thanh niên tên Cu bán ma túy ở gần cây xăng số 7 thuộc ấp Q, xã M, huyện D, do S và T2 không xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không tiếp xúc làm việc được, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau là phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xử lý đối hành vi này.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như đề xuất mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm i khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo;

- Khoản 2 Điều 47; điểm a, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trương Thị Bé T2 phạm tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

1.1. Xử phạt Nguyễn Thanh S 04 (năm) 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2021.

1.2 Xử phạt Trương Thị Bé T2 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2021.

2. Về xử lý vật chứng:

2.1 Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) gói mẫu còn lại sau giám định được niêm phong số 108/KL – PC09, ngày 25/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ; 03 đoạn ống thủy tinh (nỏ thủy tinh) để sử dụng ma túy; 02 ống bơm, kim tiêm chưa qua sử dụng; 50 bọc nilon kích thước 2x3cm được nẹp miệng một đầu; 30 bọc nilon kích thước 6x19cm được nẹp miệng một đầu; 10 bọc nilon kích thước 4x7cm được nẹp miệng một đầu.

2.2 Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh S 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung hiệu SM-G531H màu vàng đồng và sim thuê bao mạng Vietnamobile số 0562547904, số seri trên sim 0984.0509.1810.3421.2891, đã qua sử dụng, trả lại cho bị cáo Trương Thị Bé T2 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng bạc và sim mạng Vietteli số 0345471824, không có số seri sim và 01 điện thoại di động hiệu SM-J250F/DS màu xám bạc và sim mạng Vietnamobile số 0921199103, không có số seri sim, đã qua sử dụng.

2.3 Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh S và Trương Thị Bé T2 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam.

2.4 Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (Một) xe mô tô BS 65L1-240.46, số khung RPHWCHBUM5H076607 máy không xác định, đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 09/QĐ-VKSVT-HS ngày 17/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh).

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thanh S, Trương Thị Bé T2 mỗi bị cáo phải nộp **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Công an nhân dân huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Phường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA